

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HS-ST

Ngày 20-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lường Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Nghĩa, ông Lò Văn Viễn.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Quang Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên toà:
Ông Sọng Nỏ Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại trụ Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:08/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/HSST-QĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lò Văn B, sinh năm 1990. Nơi sinh tại Sông Mã - Sơn La.

Nơi ở và ĐKKHKT: Bản Tân H, xã M, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không. Con ông: Lò Văn C; con bà Lò Thị L; Vợ là Vì Thị N và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2019 bị UBND xã M lập hồ sơ đi hỗ trợ cất con 10 ngày.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/7/2019 cho đến nay có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: Lường Văn T, sinh năm 1993. Nơi sinh Sông Mã - Sơn La.

Nơi ở và ĐKKHKT: Bản Ko, xã M, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Thái; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không. Con ông: Lường Văn H; con bà Lò Thị T, vợ con chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án số 167/2012/HSST ngày 25/9/2012.

- Năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 64/2013/HSST ngày 06/6/2013.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2019 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Lò Văn N, sinh năm 1995, trú tại: Bản C, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 30 phút ngày 20/7/2019 tổ công tác của Công an huyện Sông Mã phối hợp với Công an xã C làm nhiệm vụ tại bản C, xã C, huyện Sông Mã phát hiện một đối tượng điều khiển xe mô tô có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác đã ra hiệu dừng xe để kiểm tra hành chính, đối tượng dừng xe và có ý định bỏ chạy, từ dép bàn chân trái rơi ra 01 túi vải màu hồng, tổ công tác đã không chế được đối tượng và yêu cầu nhặt túi vải màu hồng lên để giao nộp cho tổ công tác. Đối tượng khai nhận là Lường Văn T, kiểm tra bên trong 01 túi vải màu hồng đựng 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 01 túi nilon màu xanh chứa 196 viên nén màu hồng (T hai nhận là Hồng phiến do Lò Văn B SN 1990, trú tại bản T, xã M, Sông Mã đưa tiền và xe để đi mua về cùng sử dụng). Tổ công tác tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang đối với Lường Văn T và thu giữ gói ma túy, tạm giữ 01 xe mô tô Wave nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 26C1-15864, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và số tiền 300.000đ.

Cùng ngày tổ công tác Công an huyện Sông Mã và Công an xã C đã triệu tập Lò Văn B đến làm việc, quá trình lấy lời khai B đã thừa nhận toàn bộ hành vi đưa tiền và xe mô tô cho T để đi mua ma túy về cùng sử dụng, đồng thời giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo.

Ngày 24/7/2019 tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã thành lập Hội đồng mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định 196 viên nén màu hồng có khối lượng 18,84 gam, kết quả giám định là ma túy loại *Methamphetamine*.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Khoảng 21 giờ ngày 19/7/2019 Lường Văn T đến nhà của Lò Văn T ở bản Bó B, xã C, huyện Sông Mã chơi nhưng không thấy T ở nhà, T gặp Lò Văn B và Lò Văn N bản Chiềng C, xã C. T ngồi chơi một lúc thì N đi đón T về, khi về T thấy T đưa cho B một tập tiền nói là B chỉ cho vay 2.200.000 (trước đó B nhờ T cầm về hộ do B vay của anh Lường Văn B ở bản C, xã C. Sau đó B có nhờ T chở N, T lên quán game ở gần

đó, khi T quay lại thì B hỏi T có biết chỗ nào lấy được viên hồng phiến không, T đi ra ngoài gọi điện thoại cho một người đàn ông quốc tịch Lào mà T xin được số trước đó hỏi mua viên hồng phiến với số tiền 1.500.000đ thì người này đồng ý, hẹn gặp nhau ở vườn nhãn gần cửa khẩu Chiềng Khương để giao dịch. B điều khiển xe chở T đến nhà anh B thì dừng lại vào nhà anh B chờ và đưa cho T số tiền nói là 2.000.000đ, T nhận tiền và điều khiển xe đi đến chỗ hẹn trên đường đi Thủy lấy tiền ra đếm thì chỉ có 1.800.000đ. Sau đó T tiếp tục điều khiển xe đến điểm hẹn gặp và mua được 01 túi vải màu hồng bên trong chứa hồng phiến với giá 1.500.000 đồng của một người đàn ông Quốc tịch Lào không quen biết, mua được ma túy T kẹp ở giữa bàn chân với dép bên chân trái rồi điều khiển xe đi về. Khi về đến bản C, xã C thì gặp tổ công tác Công an huyện Sông Mã và Công an xã C làm nhiệm vụ phát hiện, tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang thu giữ gói ma túy và một số tài sản như đã nêu trên.

Nguồn gốc số ma túy, Lương Văn T khai nhận mua của một người đàn ông quốc tịch Lào ngày 19/7/2019 ở khu vực ranh giới Việt Nam – Lào thuộc bản C, xã C, huyện Sông Mã. Do T không biết tên, tuổi, địa chỉ nên không xác định được đối tượng người Lào. Quá trình điều tra cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã tiến hành ra Lệnh thu giữ điện tín và thông tin thuê bao theo bị can T khai nhận, kết quả xác định người đàn ông quốc tịch Lào đã sử dụng sim rác nên không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Do các hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSSM ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố các bị cáo về tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lò Văn B và Lương Văn T phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn B từ 08 đến 08 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo. Về vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an

huyện Sông Mã, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Sông Mã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội các bị cáo: Các bị cáo là người có nhận thức, biết mọi hành vi liên quan đến chất ma túy bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng do nghiện chất ma túy các bị cáo đã cố tình mua và tàng trữ 18,84 gam *Methamphetamine* nhằm mục đích sử dụng, trên đường vận chuyển thì bị phát hiện bắt quả tang.

Hành vi phạm tội các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 00 giờ 40 phút ngày 20/7/2019 tại bản Chiềng Khương, xã Chiềng Khương của tổ công tác công an huyện Sông Mã và ban Công an xã Chiềng Khương, huyện Sông đối với Lường Văn T cùng vật chứng thu giữ 01 túi vải màu hồng đựng 01 nilon màu trắng bên trong 01 túi nilon màu xanh có chứa 196 viên nén màu hồng.

- Biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định, niêm phong vật chứng hồi 11 giờ 30 phút ngày 24/7/2019 và kết luận giám định số 1315 ngày 26/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận:

“Mẫu gửi giám định ký hiệu T1 là ma túy; loại Methamphetamine; tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,96 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 18,84 gam; loại Methamphetamine”.

- Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là phù hợp, phù hợp với các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của Lò Văn B và Lường Văn T đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tội phạm và hình phạt được quy định theo Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[3]. Xét về khung hình phạt áp dụng: Các bị cáo Lò Văn B và Lường Văn T thực hiện hành vi Tàng trữ 18,84 gam loại *Methamphetamine* đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt *“Heroin...Methamphetamine...có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam”*; quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù thuộc trường hợp rất nghiêm trọng.

[4] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới chế độ quản lý độc quyền chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, làm gia tăng các tệ nạn xã hội. Các bị cáo nhận thức

được hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Do đó, cần phải bị xử lý nghiêm khắc.

[4] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

- Lò Văn B là người giữ vai trò chính, khởi sướng rủ rê, cung cấp tiền và phương tiện nên sẽ phải chịu mức hình phạt cao hơn so với đồng phạm.

- Lường Văn T giữ vai trò thứ yếu, tuy nhiên khi tham gia tội phạm cũng rất tích cực, trực tiếp đi mua ma túy nên cũng phải chịu hình phạt tương xứng.

[5] Xét về nhân thân: Bị cáo Lò Văn B tuy chưa có tiền án, tiền sự nhưng là đối tượng nghiện chất ma túy, năm 2019 đã bị UBND xã M lập hồ sơ cho đi hỗ trợ cắt cơn cai nghiện. Đối với bị cáo Lường Văn T đã từng có 02 tiền án vào các năm 2012 và 2013 về các tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và Trộm cắp tài sản, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục phạm tội mới. Do đó cần phải xử lý nghiêm khắc nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và đề phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng chung tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Lường Văn T sau khi bị phát hiện đã khai ra hành vi của bị cáo Lò Văn B nên được hưởng thêm tình tiết tích cực hợp tác trong việc phát hiện tội phạm quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Theo biên bản xác minh và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, xác định các bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy không có tài sản riêng và gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Các vấn đề khác:

- Đối với số tiền 300.000đ là tiền Bầy đưa để mua ma túy còn thừa, quá trình điều tra Thủy khai nhận cầm về để trả lại cho Bầy, nhưng trên đường về thì bị phát hiện, bắt quả tang. Do đó không có căn cứ chứng minh T sẽ được hưởng lợi số tiền đó từ việc mua giúp ma túy cho B nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lường Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma túy đây là số tiền mua ma túy thừa nên cần tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với Vì Văn B đã cho bị cáo B vay 2.200.000đ (vào ngày 19/7/2019), nhưng B không biết việc Thủy vay tiền để đi mua ma túy nên B không đồng phạm về hành vi phạm tội của B.

- Đối với Lò Văn N đã cho Lò Văn B mượn xe mô tô biển kiểm soát 26C1-15864 và Lò Văn T đã đi lấy giúp B số tiền vay 2.200.000đ từ Vì Văn B.

Quá trình điều tra xác định N, T không biết việc B sử dụng xe mô tô và tiền để đi mua ma túy nên không đồng phạm với B về hành vi phạm tội.

[9] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 túi vải màu hồng, 01 nilon màu trắng, 01 túi nilon màu xanh, 01 phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, 01 túi nilon màu trắng cùng 186 viên nén màu hồng là vật cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu HONDA BLADE BKS 26C1 – 158.64 tạm giữ của bị cáo T là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Lò Văn N (do B mượn của N) việc T đi mua ma túy N không biết, không liên quan. Tại phiên tòa, anh N có ý kiến xin lại chiếc xe máy trên là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Đối với điện thoại di động hiệu NOKIA thu giữ của bị cáo T và di thoại hiệu VIVO thu của bị cáo B xét thấy các bị cáo sử dụng việc liên lạc vào việc mua bán ma túy liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lò Văn B; Lương Văn T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Lò Văn B: 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 30/7/2019).

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Lương Văn T: 07 năm 06 tháng tù (Bảy năm sáu tháng tù). Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 20/7/2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi vải màu hồng, 01 nilon màu trắng, 01 túi nilon màu xanh, 01 phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, 01 túi nilon màu trắng cùng 186 viên nén màu hồng.

- Trả lại cho anh Lò Văn N 01 xe mô tô hiệu HONDA Blade, màu xanh-đen, BKS 26C1- 158.64; số khung 037788, số máy 0531518, xe đã qua sử dụng;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng, phát mại 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA, màu trắng, số IMEI 35367807616562/6 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu VIVO, màu xanh – đen, số IMEI 864164042667773, đã qua sử dụng sung ngân sách nhà nước.

(Tang vật đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La theo biên bản giao nhận vật chứng, ngày 31 tháng 12 năm 2019).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Các bị cáo Lò Văn B, Lường Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

-Toà án tỉnh;
-VKS huyện;
-Thị hành án hình sự;
-Thị hành án dân sự;
-Bị cáo;
-Sở tư pháp tỉnh;
-Lưu HS;
-Lưu VP.

Lường Văn Quyết

